

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH  
BỆNH VIỆN SÁN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 299/BVSN-KD

V/v mời chào giá hóa chất sử dụng cho  
máy xét nghiệm đông máu chưa lựa  
chọn được nhà thầu của Bệnh viện Sán  
Nhi tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: - Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-BVSN ngày 15/02/2023 của Bệnh viện Sán Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phục vụ hoạt động thường xuyên có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên của Bệnh viện Sán Nhi tỉnh Quảng Ninh;

Bệnh viện Sán Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu của Bệnh viện Sán Nhi tỉnh Quảng Ninh (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm).


Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vật tư, hóa chất nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 02/6/2023 đến trước 16 giờ 00 ngày 12/6/2023.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sán Nhi tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)

Điện thoại liên hệ: 0982.365.229/02033.696.568

Địa chỉ email: duocsannhi@gmail.com

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./. 

**Nơi nhận:**

- Nt; SYTON (đăng tài)
- Lưu: VT, KHTH. 



**Bùi Minh Cường**



## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời ngày 01/6/2023 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất đo thời gian APTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT)</li> <li>- Đóng gói dạng lỏng, thành phần chứa phosphatides não thỏ và đậu nành tinh khiết trong 1 x 0,0001 acid ellagic, chất đệm và chất ổn định</li> <li>- Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: <math>\geq 7</math> ngày khi bảo quản ở +2 tới +15 °C (đóng nắp lọ)</li> <li>- Hỗn hợp huyết tương bệnh lý: độ lặp lại 1.3%, độ tái lặp 1.4%, tổng 1.6%</li> <li>Khoảng phân tích: 8 - 170 giây.</li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp <math>\geq 2\text{ml} \times 10</math>.</li> </ul>	Hộp	125
2	Hóa chất bổ sung Calcium cho xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng như hoá chất bổ xung trong các xét nghiệm đông máu như APTT, yếu tố VIII, IX, xét nghiệm protein C, protein S...</li> <li>- Đóng gói dạng lỏng, dung dịch calcium chloride 0.025 mol/L</li> <li>- Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: <math>\geq 8</math> tuần khi bảo quản ở +2 tới +25 °C</li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp <math>\geq 15\text{ml} \times 10</math>.</li> </ul>	Hộp	18
3	Hoá chất sử dụng để hiệu chuẩn cho hầu hết các xét nghiệm đông máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Thành phần có nguồn gốc từ người</li> <li>- Đóng gói dạng bột đông khô</li> <li>- Độ ổn định sau hoàn nguyên:                             <ul style="list-style-type: none"> <li><math>\geq 4</math> giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C</li> <li><math>\geq 4</math> tuần ở khi bảo quản ở <math>\leq -20</math> °C</li> </ul> </li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp <math>\geq 1\text{ml} \times 10</math>.</li> </ul>	Hộp	1
4	Dung dịch rửa có tính kiềm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động</li> <li>- Đóng gói dạng lỏng</li> <li>- Dung dịch có tính kiềm, nồng độ NaClO <math>\geq 1\%</math></li> <li>- Độ ổn định sau mở nắp: <math>\geq 1</math> tháng khi bảo quản ở 2 tới 8 °C</li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp <math>\geq 50\text{ml} \times 1</math>.</li> </ul>	Hộp	180
5	Dung dịch rửa có tính axit	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất rửa trên hệ thống máy đông máu tự động.</li> <li>- Dung dịch có tính axit, nồng độ Hydrochloric acid 0.16%, non-ionic surfactant 0,50%.</li> <li>- Độ ổn định sau mở nắp: 2 tháng khi bảo quản ở 5 tới 35°C.</li> <li>Hộp <math>\geq 500\text{ml} \times 1</math>.</li> </ul>	Hộp	15
6	Hóa chất đệm cho đông máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu</li> <li>- Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium bicarbonate 2.84 x 0,01M và sodium chloride 1.25 x 0.1M, pH 7.35 <math>\pm</math> 0.1</li> <li>- Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8 °C</li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp <math>\geq 15\text{ml} \times 10</math>.</li> </ul>	Hộp	15
7	Cốc phản ứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống phản ứng được dùng để đựng mẫu và hóa chất trên máy phân tích đông máu, sử dụng phù hợp cho máy đông máu CA.</li> <li>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Túi <math>\geq 1000</math> cái.</li> </ul>	Túi	40

Tên đơn vị báo giá

Email:.....



**PHỤ LỤC 2**  
**BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ**

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định của BYT(thông tư 04)	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Giá trúng thầu120 ngày gần nhất			Mã kê khai giá theo ND98			
														Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1																				
2																				
3																				

Ghi chú:

(09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện.

Báo giá này có hiệu lực.....kể từ ngày ký

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

1. The first part of the report is a general introduction to the project. It should include the objectives, the scope, and the organization of the report.

2. The second part of the report is a detailed description of the methodology used in the study. This should include the data collection methods, the analysis techniques, and the results of the study.

3. The third part of the report is a discussion of the results and their implications. This should include a comparison of the results with previous studies and a discussion of the limitations of the study.

Year	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022																																																															
Population	100	105	110	115	120	125	130	135	140	145	150	155	160	165	170	175	180	185	190	195	200	205	210	215	220	225	230	235	240	245	250	255	260	265	270	275	280	285	290	295	300	305	310	315	320	325	330	335	340	345	350	355	360	365	370	375	380	385	390	395	400	405	410	415	420	425	430	435	440	445	450	455	460	465	470	475	480	485	490	495	500															
GDP	100	105	110	115	120	125	130	135	140	145	150	155	160	165	170	175	180	185	190	195	200	205	210	215	220	225	230	235	240	245	250	255	260	265	270	275	280	285	290	295	300	305	310	315	320	325	330	335	340	345	350	355	360	365	370	375	380	385	390	395	400	405	410	415	420	425	430	435	440	445	450	455	460	465	470	475	480	485	490	495	500															
Inflation	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

4. The fourth part of the report is a conclusion and recommendations. This should include a summary of the findings and a discussion of the implications for policy and practice.



10/10/2022

10/10/2022